

Số: 259 /KH-UBND

Nhà Bè, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (đợt 2)

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ khoản 2 Điều 4 và Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 3 và điểm b khoản 1 Điều 6 Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1038/TTr-GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 và Công văn số 1208/GDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2022; Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên tại Báo cáo số 91/BC-TTGDNN-GDTEX ngày 27 tháng 7 năm 2022 và của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 1292/TTr-PNV ngày 13 tháng 9 năm 2022;

Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2022 (đợt 2) như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Tuyển dụng viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Huyện đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công việc được giao.

2. Yêu cầu

Việc tuyển dụng viên chức đảm bảo công khai, khách quan, dân chủ, công bằng và đúng quy định của pháp luật.

Tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, vị trí việc làm và chỉ tiêu số lượng người làm việc được giao.

II. Nguyên tắc tuyển dụng viên chức

- Đảm bảo đúng nhu cầu công việc, vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc được giao.

- Dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.
- Đảm bảo tính cạnh tranh.
- Tuyển chọn được đội ngũ viên chức đảm bảo đúng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ gắn với chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp cần tuyển.
- Người đăng ký dự tuyển chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm, nếu đăng ký từ 02 vị trí việc làm trở lên thì sẽ bị xóa tên trong danh sách dự tuyển hoặc hủy kết quả xét tuyển.
- Không thực hiện việc bảo lưu kết quả cho kỳ tuyển dụng lần sau.
- Không tiếp nhận các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

III. Nhu cầu tuyển dụng

Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè có 38 đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo (13 Trường Mầm non, 15 Trường Tiểu học, 08 Trường Trung học cơ sở, Trường Bồi dưỡng giáo dục và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên). Tổng số người làm việc được giao là 1.802 người, hiện có mặt là 1.460 người.

Để bổ sung nhu cầu giáo viên, nhân viên ngành giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân Huyện dự kiến tuyển dụng 327 viên chức, trong đó:

- Giáo viên: 263 người (Mầm non: 15 người; Tiểu học: 141 người; Trung học cơ sở: 104 người; Trung học phổ thông: 03 người).
- Nhân viên: 64 người với các chức danh Văn thư, Thư viện, Thiết bị - thí nghiệm, Công nghệ thông tin, Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, Kế toán, Y tế, Giáo vụ và Đào tạo nghề, hướng nghiệp.

(Đính kèm phụ lục).

IV. Điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển và đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

1. Điều kiện dự tuyển

1.1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức

- Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam;
- Có phiếu đăng ký dự tuyển (ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ);
- Có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- Tuổi đời từ 18 tuổi trở lên;
- Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

1.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

2. Tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển

Người dự tuyển vào các vị trí việc làm cần tuyển phải đạt trình độ chuẩn theo quy định hiện hành tương ứng với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển, cụ thể như sau:

2.1. Vị trí việc làm Giáo viên:

2.1.1. Giáo viên mầm non: Chức danh nghề nghiệp Giáo viên mầm non hạng III – Mã số V.07.02.26¹

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm giáo dục mầm non trở lên.

2.1.2. Giáo viên tiểu học: Chức danh nghề nghiệp Giáo viên tiểu học hạng III – Mã số V.07.03.29²

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên tiểu học;

- Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.1.3. Giáo viên trung học cơ sở: Chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng III – Mã số V.07.04.32³

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học cơ sở.

- Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

¹ Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

² Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập.

³ Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập.

2.1.4. Giáo viên trung học phổ thông: Chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học phổ thông hạng III – Mã số V.07.05.15⁴

- Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên đối với giáo viên trung học phổ thông;

- Trường hợp môn học chưa đủ giáo viên có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.2. Vị trí việc làm Văn thư: Chức danh nghề nghiệp Văn thư viên trung cấp – Mã số 02.008

Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên với ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.

2.3. Vị trí việc làm Thư viện; Thư viện, thiết bị: Chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng IV – Mã số V.10.02.07⁵

Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thông tin - thư viện. Trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thông tin - thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

2.4. Vị trí việc làm Thiết bị, thí nghiệm: Chức danh nghề nghiệp Nhân viên thiết bị, thí nghiệm – Mã số V.07.07.20⁶

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm ở trường trung học) trở lên;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

⁴ Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập.

⁵ Thông tư liên tịch số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

⁶ Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập.

2.5. Vị trí việc làm Công nghệ thông tin⁷:

- Chức danh nghề nghiệp Cán sự - Mã ngạch 01.004: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin.

- Chức danh nghề nghiệp Chuyên viên - Mã ngạch 01.003: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin.

2.6. Vị trí việc làm Hỗ trợ Giáo dục người khuyết tật: Chức danh nghề nghiệp Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (hạng IV) – Mã số V.07.06.16⁸

- Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trở lên; hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên một trong các ngành: sư phạm, y tế, công tác xã hội, tâm lý và có chứng chỉ nghiệp vụ về hỗ trợ giáo dục người khuyết tật theo chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

2.7. Vị trí việc làm Kế toán: Chức danh nghề nghiệp Kế toán viên – Mã số 06.031⁹

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính.

2.8. Vị trí việc làm Y tế: Chức danh nghề nghiệp Y sĩ hạng IV – Mã số V.08.03.07¹⁰

Tốt nghiệp y sĩ trình độ trung cấp.

⁷ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

⁸ Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập.

⁹ Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

¹⁰ Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế; Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.

2.9. Vị trí việc làm Đào tạo nghề, hướng nghiệp: Chức danh nghề nghiệp Chuyên viên – Mã số 01.003¹¹

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các chuyên ngành hành chính nhà nước, quản trị văn phòng, triết học, văn học, lưu trữ học.

2.10. Vị trí việc làm Giáo vụ: Chức danh nghề nghiệp Chuyên viên – Mã số 01.003¹²

Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các chuyên ngành hành chính nhà nước, quản trị văn phòng, triết học, văn học, lưu trữ học.

3. Đối tượng ưu tiên và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

Lưu ý: Trường hợp người dự tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

V. Hình thức tuyển dụng

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức xét tuyển theo 02 vòng:

- Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

- Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

Thời gian phỏng vấn 30 phút.

Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

¹¹ Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

¹² Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

VI. Hội đồng tuyển dụng viên chức

Hội đồng tuyển dụng viên chức được thành lập và làm việc căn cứ tại Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ.

VII. Hồ sơ dự tuyển

1. Nộp phiếu đăng ký dự tuyển

- Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.

- Bản sao các hồ sơ minh chứng đối với các trường hợp thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức.

2. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Đối với người trúng tuyển có quá trình công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm mà thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội (nếu đứt quãng thì được cộng dồn) bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự tương ứng với thời gian tập sự của chức danh nghề nghiệp được tuyển dụng thì bổ sung thành phần hồ sơ để đơn vị tiếp nhận thực hiện xem xét bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp diện miễn thực hiện chế độ tập sự, gồm:

- Bản sao quyết định nghỉ việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động.

- Sổ bảo hiểm xã hội, tờ rời in rõ quá trình đóng bảo hiểm xã hội có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội.

3. Lưu ý

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển

hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

VIII. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức

Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

IX. Thời gian tổ chức tuyển dụng viên chức

Người đăng ký dự tuyển nộp hồ sơ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Huyện (theo danh sách đính kèm).

Thời gian tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: **Trong giờ hành chính, từ ngày 03/10/2022 đến hết ngày 01/11/2022.**

Thời gian, địa điểm tổ chức ôn tập, xét tuyển theo hướng dẫn của Hội đồng tuyển dụng viên chức.

X. Kinh phí tổ chức tuyển dụng

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

XI. Phân công thực hiện

1. Phòng Nội vụ

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức; Thành lập Ban giám sát kỳ tuyển dụng viên chức để giám sát toàn bộ quá trình tổ chức tuyển dụng viên chức năm 2022 (đợt 2).

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2022 (đợt 2).

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện công nhận kết quả tuyển dụng theo quy định hiện hành; Thông báo kết quả tuyển dụng; Quyết định tuyển dụng.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện tổ chức tuyển dụng viên chức năm 2022 (đợt 2).

2. Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện

- Đăng thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.
- Niêm yết công khai Thông báo tuyển dụng viên chức huyện Nhà Bè năm 2022 (đợt 2) tại trụ sở làm việc của đơn vị.

- Cử người tham gia Hội đồng tuyển dụng viên chức và các Ban giúp việc để tổ chức kỳ tuyển dụng.

- Liên hệ các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu biên soạn tài liệu, đề phỏng vấn, chuẩn bị địa điểm, các điều kiện tổ chức kỳ xét tuyển.

- Tổng hợp, dự trù kinh phí tổ chức tuyển dụng.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện tổ chức tuyển dụng viên chức năm 2022 (đợt 2).

3. Phòng Văn hóa và Thông tin

Chịu trách nhiệm Thông báo công khai Kế hoạch tuyển dụng viên chức của Ủy ban nhân dân Huyện, danh sách người đủ điều kiện dự tuyển trên Trang thông tin điện tử của Huyện.

4. Đài Truyền thanh

Thông báo Kế hoạch tuyển dụng viên chức của Ủy ban nhân dân Huyện trên hệ thống Đài truyền thanh, Bản tin Nhà Bè.

5. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Tham mưu hướng dẫn việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán phí tuyển dụng viên chức theo quy định pháp luật hiện hành và Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

6. Các trường công lập và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên thuộc Ủy ban nhân dân Huyện

- Thông báo công khai các nội dung của kỳ tuyển dụng viên chức tại trụ sở về: chỉ tiêu, điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển; nội dung và hình thức tuyển dụng; thời gian, địa điểm tổ chức.

- Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển và gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo để phối hợp với Phòng Nội vụ tổng hợp.

- Hướng dẫn người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ, phân công công tác đúng vị trí, chỉ tiêu đăng ký đồng thời bố trí cho người trúng tuyển tham gia đầy đủ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

- Phối hợp với Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức năm 2022 (đợt 2) của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè, căn cứ tình hình thực tế Ủy ban nhân dân Huyện có thể sẽ có những điều chỉnh bằng văn bản để phù hợp với tình hình công tác tuyển dụng và đúng các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ TP.HCM;
- UBND Huyện: CT, các PCT;
- VP.HĐND&UBND Huyện: CVP, PCVP, TH(L);
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Văn hóa và Thông tin;
- Các trường công lập thuộc Huyện;
- TT.GDNN-GDTX
- Đài Truyền thanh;
- Lưu: VT,PNV,t.

CHỦ TỊCH



Triệu Đỗ Hồng Phước



ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC HUYỆN NHÀ BÈ NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số **259** /KH-UBND ngày **28** tháng **9** năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

Stt	Vị trí việc làm cần tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	MN Sao Mai	MN Mạ Non	MN Hướng Dương	MN Thị Trấn Nhà Bè	MN Vãng An	MN Hoa Lan	MN Hoa Sen	MN Sơn Ca	MN Hoa Mĩ	MN Đồng Xanh	MN Vành Khuyên	MN Tuổi Ngọc	MN Tuổi Hoa	TH Nguyễn Bình	TH Trang Tấn Khương	TH Dương Văn Lịch	TH Trần Thị Ngọc Hân	TH Nguyễn Văn Tạo	TH Lê Văn Lương	TH Lê Quang Định	TH Lê Lợi	TH Nguyễn Trục	TH Bùi Thanh Khiết	TH Lâm Văn Bền	TH Bùi Văn Ba	TH Tạ Uyên	TH Nguyễn Việt Hồng	TH Nguyễn Hồng Thê	THCS Nguyễn Bình Khiêm	THCS Lê Văn Hưu	THCS Nguyễn Văn Quý	THCS Hiệp Phước	THCS Hai Bà Trưng	THCS Lê Thành Công	THCS Nguyễn Thị Hương	THCS Phước Lộc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Tổng cộng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41		
1	Giáo viên mầm non	Giáo viên mầm non hạng III	01	02	01		02	02	05	00	01	01	00	00	00																										15	
2	Giáo viên dạy nhiều môn	Giáo viên tiểu học hạng III														06	07	05	07	02	06	03	08	04	02		02		05	02				00							59	
3	Giáo viên dạy Mỹ thuật	Giáo viên tiểu học hạng III														01	02	02	01	01	01	02	01	01		01	01	01	01	01											17	
		Giáo viên THCS hạng III																														01	01		01	01				04		
4	Giáo viên dạy tiếng Anh	Giáo viên tiểu học hạng III															03			03	02	02	02	04	02	01	01	02	02		01										25	
		Giáo viên THCS hạng III																														03		03	08	02	01	06	01		24	
5	Giáo viên dạy Tin học	Giáo viên tiểu học hạng III														01	01	01	01	01	01	02	01	02			01	01	02	01											16	
		Giáo viên THCS hạng III																															02	02	01	02		01		08		
6	Giáo viên dạy Âm nhạc	Giáo viên tiểu học hạng III															01	01	01	01	01	01	01	01		01	01	01		01											13	
		Giáo viên THCS hạng III																																01		01	02	01	02		07	
7	Giáo viên dạy Thể dục	Giáo viên tiểu học hạng III																	02		01	02	00	01		01	01	02	01												11	
		Giáo viên THCS hạng III																																02	02		01	01		06		
8	Giáo viên dạy Ngữ văn	Giáo viên THCS hạng III																													03	02	02	02		02	01	01		13		
		Giáo viên THPT hạng III																																					01	01		
9	Giáo viên dạy Toán	Giáo viên THCS hạng III																															00		02					02		
		Giáo viên THPT hạng III																																					01	01		
10	Giáo viên dạy Địa lý	Giáo viên THCS hạng III																													01	02	02	01	02	01	01			10		
		Giáo viên THPT hạng III																																					01	01		
11	Giáo viên dạy Sinh học	Giáo viên THCS hạng III																														01		01	03	02	03				10	
12	Giáo viên dạy Kỹ thuật nữ công	Giáo viên THCS hạng III																															01	00		01		01			03	
13	Giáo viên dạy Kỹ thuật công nghiệp	Giáo viên THCS hạng III																													01	01	01	00	01	01					05	
14	Giáo viên dạy Kỹ thuật nông nghiệp	Giáo viên THCS hạng III																														01	00					01			02	
15	Giáo viên dạy Lịch sử	Giáo viên THCS hạng III																															01	00		01					02	
16	Giáo viên dạy Vật lý	Giáo viên THCS hạng III																														01		01	00		01				03	
17	Giáo viên dạy Hóa	Giáo viên THCS hạng III																														01			00		01				02	
18	Giáo viên dạy Giáo dục công dân	Giáo viên THCS hạng III																														01		01	00	01					03	
20	Văn thư	Văn thư viên trung cấp					01			00			00	00									01	01						01					01	01						06
21	Thư viện	Thư viện viên hạng IV																																								00
22	Thư viện, thiết bị	Thư viện viên hạng IV														01						01		01			01	01		01				00								06

Stt	Vị trí việc làm cần tuyển	Chức danh nghề nghiệp cần tuyển	MN Sao Mai	MN Ma Non	MN Hướng Dương	MN Thị Trấn Nhà Bè	MN Văng Anh	MN Hoa Lan	MN Hoa Sen	MN Sơn Ca	MN Hoa Mi	MN Đồng Xanh	MN Vành Khuyên	MN Tuổi Ngọc	MN Tuổi Hoa	TH Nguyễn Bình	TH Trang Tấn Khương	TH Dương Văn Lịch	TH Trần Thị Ngọc Hân	TH Nguyễn Văn Tạo	TH Lê Văn Lương	TH Lê Quang Định	TH Lê Lợi	TH Nguyễn Trục	TH Bùi Thanh Khiết	TH Lâm Văn Bền	TH Bùi Văn Ba	TH Tạ Uyên	TH Nguyễn Việt Hồng	TH Nguyễn Hồng Thê	THCS Nguyễn Bình Khiêm	THCS Lê Văn Hưu	THCS Nguyễn Văn Quý	THCS Hiệp Phước	THCS Hai Bà Trưng	THCS Lê Thành Công	THCS Nguyễn Thị Hương	THCS Phước Lộc	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Tổng cộng		
23	Thiết bị, thi nghiệm	Nhân viên thiết bị, thi nghiệm																														01	01	01	01		01			05		
24	Công nghệ thông tin	Cán sự																	01				01	01		01	01	01						01	01		01	01		10		
		Chuyên viên																01	01																00					02		
25	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật (hạng IV)								00			00	00			02	01	01	01	01	01	01	01		01	01	01	01	01		01			01	01	01	01			19	
26	Thủ quỹ	Cán sự																																							00	
27	Kế toán	Kế toán viên		01						00			00	00									01								01						01	01			06	
28	Y tế	Y sĩ hạng IV				01			01	00			00	00						01				01			01			01						00			01	01		08
29	Đào tạo nghề, hướng nghiệp	Chuyên viên																																							01	01
30	Giáo vụ	Chuyên viên																																							01	01
Tổng cộng:			01	03	01	01	03	02	06	00	01	01	00	00	00	09	16	11	17	11	14	13	20	15	04	06	12	09	11	10	10	08	17	24	17	19	20	10	05		01	01

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
CÓ NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022 (Đợt 2)**

(Kèm theo Kế hoạch số **259** /KH-UBND ngày **27** tháng **9** năm 2022
của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè)

Stt	Tên trường	Địa chỉ	Số điện thoại
1	Trường MN Thị Trấn Nhà Bè	Số 89/10/5 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 4, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè.	028.38738525 028.37811466
2	Trường MN Sơn Ca	Số 342 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 6, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè.	028.38738635
3	Trường MN Mạ Non	Ấp 1, đường Nguyễn Bình, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.37770230
4	Trường MN Đồng Xanh	Số 7A đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè.	028.37800130
5	Trường MN Sao Mai	Số 782 đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè.	028.38734053 028.37818144
6	Trường MN Hướng Dương	Ấp 2, đường Nguyễn Bình, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè.	028.37821569
7	Trường MN Vành Khuyên	Số 438A đường Đào Sư Tích, Ấp 3, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè.	028.37815665
8	Trường MN Hòa Mi	Số 239/18 đường Lê Văn Lương, Ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37815680
9	Trường MN Tuổi Ngọc	Số 2279/14 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè.	028.37770155
10	Trường MN Vàng Anh	Số 1339 đường Lê Văn Lương, Ấp 2, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37815530
11	Trường MN Tuổi Hoa	Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè.	028.36360093 028.62700246
12	Trường MN Hoa Lan	Đường Nguyễn Bình, Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè	028.36201687
13	Trường MN Hoa Sen	Ấp 1, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè.	028.22508079
14	Trường TH Trần Thị Ngọc Hân	Số 25, tổ 10, đường Dương Cát Lợi, Khu phố 4, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè. Hẻm 1927 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 5, Thị trấn Nhà Bè, H.Nhà Bè.	028.38738626 028.37811803
15	Trường TH Lâm Văn Bền	Số 373 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, Thị trấn Nhà Bè.	028.38738230
16	Trường TH Nguyễn Trục	Số 1026/3 đường Huỳnh Tấn Phát, Ấp 5, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.37829628
17	Trường TH Nguyễn Bình	Số 247 đường Nguyễn Bình, Ấp 2, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.37828627
18	Trường TH Trang Tấn Khương	Số 42 đường số 3, khu dân cư 26ha, Ấp 1, xã Long Thới, huyện Nhà Bè.	028.37800408

Stt	Tên trường	Địa chỉ	Số điện thoại
19	Trường TH Dương Văn Lịch	Số 774A đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 1, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè.	028.62755924
20	Trường TH Nguyễn Văn Tạo	Số 1401 đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè.	028.38734012
21	Trường TH Lê Lợi	Số 548/17 đường Nguyễn Bình, Ấp 2, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè.	028.37821632
22	Trường TH Lê Văn Lương	Đường Lê Văn Lương, Ấp 4, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè.	028.37821658
23	Trường TH Tạ Uyên	Số 782 đường Lê Văn Lương, Ấp 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37815656
24	Trường TH Lê Quang Định	Số 218B đường Lê Văn Lương, Ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37815038
25	Trường TH Bùi Thanh Khiết	Số 435 đường Đào Sư Tích, Ấp 3, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè.	028.37815486
26	Trường TH Nguyễn Hồng Thê	Ấp 1, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè.	028.35357661
27	Trường TH Nguyễn Việt Hồng	Khu dân cư Công ty Hồng Lĩnh, Tổ 15, Khu phố 5, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè.	028.38739077
28	Trường TH Bùi Văn Ba	Số 8 đường số 11, Khu dân cư Phước Kiển, Ấp 5, Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè	028.37815235
29	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Số 421 đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 7, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè.	028.38738431
30	Trường THCS Lê Văn Hưu	Số 2596/20A đường Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.37829524
31	Trường THCS Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Bình, Ấp 2, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè.	028.37822196
32	Trường THCS Hiệp Phước	Số 1154 đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè.	028.37818042
33	Trường THCS Nguyễn Văn Quỳ	Số 146A đường Lê Văn Lương, Ấp 1, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37815655
34	Trường THCS Phước Lộc	Số 432/2 đường Đào Sư Tích, Ấp 3, xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè.	028.37817399
35	Trường THCS Lê Thành Công	Số 63 đường Đào Sư Tích, Ấp 3, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.	028.37764248
36	Trường THCS Nguyễn Thị Hương	Đường Nguyễn Bình, Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.35350347; 028.35350348
37	Trường Bồi dưỡng giáo dục	Số 306/5 đường Nguyễn Bình, Ấp 1, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè.	028.37801349
38	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Số 89 đường Nguyễn Văn Tạo, Ấp 1, xã Long Thới, huyện Nhà Bè.	028.37800059

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ